

KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 - KHÓA 06

Kỳ kiểm tra ngày 23 tháng 8 năm 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTCN ngày / /2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ Thuật - Công Nghệ Cần Thơ)

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		N. SINH	NOI SINH	ĐIỂM MÔN NGHE	ĐIỂM MÔN ĐỌC	ĐIỂM MÔN VIẾT	ĐIỂM MÔN NÓI	KẾT QUẢ
1	B16001	LUAT2311075	Hồ Đình Kỳ	Anh	14/09/2005	An Giang	5,3	4,5	3,0	7,5	Không đạt
2	B16002	QLCN2311050	Nguyễn Quỳnh	Anh	28/01/2005	Cần Thơ	8,0	5,8	5,0	4,0	Không đạt
3	B16003	KTHC2411015	Trần Thị Tú	Anh	24/01/2005	Cần Thơ	2,3	2,5	1,5	6,5	Không đạt
4	B16004	CNTT2211011	Hà Gia	Bảo	13/01/2004	Cần Thơ	4,0	3,5	1,5	4,0	Không đạt
5	B16005	LUAT2351005	Phạm Ngọc Phi	Dung	16/07/2005	Cần Thơ	4,3	5,8	1,0	3,0	Không đạt
6	B16006	KHMT2411002	Phạm Phúc	Duy	26/03/2006	An Giang	2,5	2,5	1,3	0,0	Không đạt
7	B16007	CNDD2311072	Đào Văn	Đậm	08/02/2005	Cần Thơ	10,0	9,0	7,5	8,0	Đạt
8	B16008	CNDD2311052	Lê Anh	Hào	22/06/2005	An Giang	7,3	6,3	5,0	7,0	Đạt
9	B16009	1800314	Hoàng Phước	Hiệp	06/10/2000	An Giang	8,8	8,8	7,5	8,0	Đạt
10	B16010	CNDD2311054	Trần Trung	Hiếu	27/12/2004	Đồng Tháp	3,0	4,0	1,8	0,0	Không đạt
11	B16011	2101631	Lê Trần Gia	Huy	01/12/2003	Cần Thơ	4,8	6,3	3,3	7,5	Không đạt
12	B16012	LUAT2311077	Vũ Thanh	Huyền	28/04/2005	Bạc Liêu	8,8	9,5	5,0	8,5	Đạt
13	B16013	QTKD2311019	Nguyễn Duy	Khang	28/02/2005	Sóc Trăng	9,8	9,5	8,5	8,0	Đạt
14	B16014	CNXD2411042	Sơn Quốc	Khánh	02/09/2006	Sóc Trăng	8,0	7,8	0,3	0,0	Không đạt
15	B16015	CNDD2311079	Lê Quang	Khiêm	16/12/2005	An Giang	2,5	3,8	1,8	7,5	Không đạt
16	B16016	2101211	Lê Tuyết	Lan	07/05/2003	Vĩnh Long	7,5	5,5	3,0	7,5	Không đạt

17	B16017	CNXD2411051	Đinh Đại	Lào	01/01/2006	Đồng Tháp	v	v	v	v	Không đạt
18	B16018	QLCN2311059	Đặng Kim	Liên	11/05/2005	Cần Thơ	7,8	8,0	5,0	6,0	Đạt
19	B16019	2101660	Lâm Nguyễn Ngọc	Linh	25/09/2003	Bạc Liêu	9,0	8,0	8,0	7,5	Đạt
20	B16020	QTKD2311046	Nguyễn Ngọc	Linh	22/05/2005	Hậu Giang	7,8	6,5	4,0	0,0	Không đạt
21	B16021	KTNL2211020	Lê Chí	Luận	29/09/2004	Cần Thơ	9,3	9,3	7,0	8,0	Đạt
22	B16022	CNDD2311053	Nguyễn Chí	Nguyên	28/10/2005	Bạc Liêu	9,0	6,5	9,0	9,0	Đạt
23	B16023	2101205	Nguyễn Đăng Bảo	Nguyên	18/07/2003	Đồng Tháp	7,8	7,5	1,0	0,0	Không đạt
24	B16024	LUAT2211042	Trần Kiều	Nhi	12/03/2004	Cà Mau	5,8	8,0	8,0	5,5	Đạt
25	B16025	CNDD2311061	Huỳnh Tiến	Nhật	16/08/2005	Cần Thơ	6,5	7,0	1,0	7,0	Không đạt
26	B16026	CNDD2311045	Nguyễn Trọng	Phúc	26/09/2005	Cà Mau	5,5	4,8	2,0	6,0	Không đạt
27	B16027	TCNH2211036	Nguyễn Nhật	Sang	04/07/2004	An Giang	8,3	9,5	5,0	5,0	Đạt
28	B16028	CNDD2311003	Hồ Bảo	Toàn	23/06/2005	An Giang	4,5	5,8	1,3	6,5	Không đạt
29	B16029	2001170	Huỳnh Văn Bảo	Toàn	01/01/2002	An Giang	8,8	8,3	8,0	6,5	Đạt
30	B16030	HTTT2311052	Nguyễn Minh Anh	Tuấn	04/05/2005	An Giang	8,0	5,0	5,0	5,5	Đạt
31	B16031	CNXD2311067	Bùi Minh	Thiện	20/11/2005	Cần Thơ	7,3	4,3	5,0	6,0	Không đạt
32	B16032	LUAT2311080	Trần Anh	Thư	14/04/2005	Cần Thơ	7,3	8,8	7,0	3,5	Không đạt
33	B16033	LUAT2311052	Lê Ngọc	Trâm	08/09/2005	Cần Thơ	10,0	5,5	6,5	7,0	Đạt
34	B16034	CNDD2311021	Cao Vân	Trường	30/07/2005	Cần Thơ	5,8	6,3	3,5	2,0	Không đạt
35	B16035	KTPM2211003	Thái Võ Tường	Vy	05/10/2004	Đồng Tháp	2,0	3,5	5,0	2,0	Không đạt
36	B16036	QLXD2411013	Lâm Chí	Bảo	05/07/2006	Cần Thơ	10,0	7,0	5,0	5,0	Đạt
37	B16037	CNDT 2311001	Nguyễn Thành Trung	Chánh	11/02/2005	Sóc Trăng	7,3	5,8	5,0	3,0	Không đạt
38	B16038	CNDD2411061	Đoàn Thanh	Diệp	14/08/2006	Bến Tre	3,5	5,0	7,0	6,5	Không đạt
39	B16039	QLXD2411029	Thị Thanh	Đạt	31/10/2006	Cần Thơ	6,0	7,8	6,0	6,0	Đạt
40	B16040	LUAT2311043	Danh Thị	Huyền	02/10/2005	Kiên Giang	6,0	7,3	5,0	7,0	Đạt
41	B16041	QLXD2311048	Nguyễn Trung	Kiên	08/09/2005	Cần Thơ	7,3	7,0	3,5	7,0	Không đạt
42	B16042	CNXD2311001	Nguyễn Duy	Khánh	22/02/2025	Sóc Trăng	9,5	9,0	5,0	4,0	Không đạt

43	B16043	QLXD2311006	Trần Đăng Khoa	22/03/2005	Sóc Trăng	9,3	7,8	5,0	6,5	Đạt
44	B16044	QLXD2411007	Đinh Đình Khôi	25/04/2005	Sóc Trăng	9,5	6,3	5,0	4,0	Không đạt
45	B16045	QLXD2411034	Võ Quang Lai	16/10/2006	Sóc Trăng	7,3	7,0	7,0	2,0	Không đạt
46	B16046	CNXD2311007	Đinh Hoàng Long	03/08/2005	Cần Thơ	6,5	6,3	5,0	5,0	Đạt
47	B16047	CNXD2311009	Mai Bảo Lộc	23/09/2005	Cần Thơ	8,8	6,8	5,0	5,0	Đạt
48	B16048	KHMT2311018	Lê Ngọc Minh	28/08/2005	Cần Thơ	8,8	6,8	6,0	5,5	Đạt
49	B16049	QLXD2411043	Thạch Phú Mỹ	01/02/2006	Trà Vinh	3,3	8,3	5,5	5,0	Không đạt
50	B16050	QTKD2411050	Nguyễn Dương Bảo Ngọc	23/08/2006	Bạc Liêu	6,5	7,5	5,5	6,5	Đạt
51	B16051	LUAT2311019	Sơn Thị Mỹ Như	20/01/2005	Sóc Trăng	5,0	7,5	3,0	5,5	Không đạt
52	B16052	HTTT2311009	Huỳnh Gia Tuấn	07/01/2005	Vĩnh Long	6,8	5,5	5,0	6,0	Đạt
53	B16053	QLXD2411044	Nguyễn Chế Thanh	26/04/2006	Cần Thơ	6,3	6,5	2,0	5,0	Không đạt
54	B16054	QLXD2411050	Nguyễn Chí Thắng	10/11/2006	Đồng Tháp	v	v	5,0	v	Không đạt
55	B16055	QLXD2411014	Nguyễn Hoàng Quý Thiện	25/05/2006	Cần Thơ	6,0	5,5	2,0	5,5	Không đạt

Tổng số thí sinh đạt:

23

Tổng số thí sinh không đạt:

32

Cần Thơ, ngày tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

NGND. PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã